BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007
Mã lớp học phần: 110400701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 19/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: Ng x phong Ký tên:
Giám thị 2: Ng dua Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510120005	Huỳnh Thị Thúy	An	21/12/1997			3,5	ba rưỡi.	C17TC	
2	1510100078	Nguyễn Trọng	An	21/3/1997			1,3	một phẩy ba	C17QT	
3	1510100016	Hoàng Chu Quỳnh	Anh	01/11/1997			2,0	hai	C17QT	
4	1510120012	Nguyễn Hồng	Anh	02/10/1997			3,0	ba	C17TC	
5	1510100032	Phạm Minh Tuấn	Anh	10/9/1995			4,3	bốn phẩy ba	C17QT	
6	1510110036	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	01/4/1996			7,8	bảy phẩy tám	C17KT	
7	1510120007	Trần Thảo	Anh	14/9/1997			5,8	năm phẩy tám	C17TC	
8	1510100065	Nguyễn Lê Hồng	Ân	09/10/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
9	1510100044	Trần Thị Thanh	Bích	30/03/1996			8,0	tám	C17QT	
10	1510100014	Trương Quang	Chánh	04/10/1997			1,8	một phẩy tám	C17QT	
11	1510100110	Trần Thị	Chinh	17/8/1997			1,8	một phẩy tám	C17QT	
12	1110090033	Nguyễn An Thanh	Cường	10/06/1993			3,3	ba phẩy ba	C13QT1	
13	1510100105	Đồng Mai Thúy	Diễm	14/01/1997			1,3	một phẩy ba	C17QT	
14	1510100089	Ngô Hoàng Phương	Dung	26/6/1997			4,0	bốn	C17QT	
15	1410110029	Nguyễn Thị Phương	Dung	14/02/1996			8,0	tám	C16KT	
16	1510100010	Lê Thị Mỹ	Duyên	29/9/1997			4,0	bốn	C17QT	
17	1510100004	Lê Thị Ngọc	Dương	26/11/1997			1,0	một	C17QT	
18	1510110038	Cao Thị Hồng	Đào	12/3/1997			5,0	năm	C17KT	
19	1510120006	Nguyễn Thị Hồng	Đào	13/9/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17TC	
20	1510110011	Trần Thị Hồng	Đào	18/10/1997			2,3	hai phẩy ba	C17KT	
21	1510100066	Nguyễn Trần Hải	Đăng	06/04/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
22	1510100058	Lê	Được	05/07/1996			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
23	1510110039	Nguyễn Hữu	Đức	07/10/1997			4,5	bốn rưỡi.	C17KT	
24	1510100114	Phạm Huỳnh	Đức	22/03/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
25	1510100062	Trần Thị Ngọc	Hà	20/10/1997			8,0	tám	C17QT	
26	1510110029	Trương Gia	Hảo	22/6/1997			8,5	tám rưỡi.	C17KT	
27	1510100080	Trần Thị Minh	Hằng	12/9/1997			2,5	hai rưỡi.	C17QT	
28	1410100046	Nguyễn Ngọc	Hiền	12/04/1996			4,3	bốn phẩy ba	C16QT	
29	1110090085	Dương Thị My	Hoan	10/05/1993			6,0	sáu	C13QT1	
30	1510100111	Vũ Minh	Hoàng	19/9/1995			2,8	hai phẩy tám	C17QT	
31	1510100085	Lê Thị Kim	Hồng	13/03/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
32	1510100074	Mai Phi	Hổ	28/7/1995			1,0	một	C17QT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1510100043	Mai Thị Lâm	**Huệ**	08/12/1997	Huệ		3,8	ba phẩy tám	C17QT	
34	1510110004	Lê Thị Trà	**Huynh**	06/12/1997	Thuỳ		3,3	ba phẩy ba	C17KT	
35	1510110002	Dương Trúc	**Huỳnh**	02/11/1997	—	—	—		C17KT	
36	1510100031	Dương Thị Mỹ	**Hương**	09/12/1996			1,0	một	C17QT	
37	1410110020	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	01/03/1996			3,8	ba phẩy tám	C16KT	
38	1110140090	Bùi Dân	**Khánh**	20/05/1993			8,0	tám	C13TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 37 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 37 / 37 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007
Mã lớp học phần: 110400701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 19/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 2: Ngọc Vũ Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100005	Ngô Kim	Khánh	04/02/1997			2,5	hai rưỡi	C17QT	
2	1510100099	Trương Quốc Anh	Khương	01/05/1997			3,3	ba phẩy ba	C17QT	
3	1510100092	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	29/12/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
4	1510100056	Lương Thị Minh	Lập	24/6/1997			4,5	bốn rưỡi	C17QT	
5	1510100011	Mai Thị	Liên	10/09/1996			4,5	bốn rưỡi	C17QT	
6	1510100019	Triệu Mỹ	Liên	07/3/1996			3,5	ba rưỡi	C17QT	
7	1510110041	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	29/9/1995			2,8	hai phẩy tám	C17KT	
8	1510120016	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	15/12/1997			2,5	hai rưỡi	C17TC	
9	1510110028	Phạm Thị Mỹ	Linh	19/9/1997			2,8	hai phẩy tám	C17KT	
10	1510110014	Võ Huỳnh Hoài	Linh	23/12/1997			2,8	hai phẩy tám	C17KT	
11	1510100101	Võ Thị Mỹ	Linh	25/9/1997			3,0	ba	C17QT	
12	1410100066	Nguyễn Thị	Lộc	26/12/1993			4,0	bốn	C16QT	
13	1510100028	Võ Ngọc	Luông	12/8/1997			6,5	sáu rưỡi	C17QT	
14	1410100021	Phạm Văn	Lượng	26/10/1996			7,0	bảy	C16QT	
15	1410100039	Nguyễn Văn	Lực	14/09/1996			6,8	sáu phẩy tám	C16QT	
16	1510110009	Phan Thị Thùy	Ly	03/03/1997			6,5	sáu rưỡi	C17KT	
17	1510100047	Nguyễn Trường	Mạnh	20/02/1997			6,0	sáu	C17QT	
18	1510110031	Trương Thị Diễm	My	02/02/1997			2,8	hai phẩy tám	C17KT	
19	1510100020	Hàn Ngọc	Mỹ	18/11/1997			2,8	hai phẩy tám	C17QT	
20	1510100057	Võ Thị Thúy	Nga	08/11/1997			2,8	hai phẩy tám	C17QT	
21	1510120018	Lê Thị Hoàng	Ngân	31/3/1997			1,0	một	C17TC	
22	1510110010	Nguyễn Thị	Ngân	15/7/1996			00	không	C17KT	
23	1410100064	Nguyễn Thị Thu	Ngân	26/06/1996			4,8	bốn phẩy tám	C16QT	
24	1510100048	Phan Lê Phương	Ngân	19/5/1997			3,3	ba phẩy ba	C17QT	
25	1510110025	Trương Thị Kim	Ngân	06/11/1997			2,5	hai rưỡi	C17KT	
26	1410100053	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	24/11/1996			6,3	sáu phẩy ba	C16QT	
27	1510100075	Dương Thị Thu	Nghĩa	05/04/1996			4,5	bốn rưỡi	C17QT	
28	1510110001	Huỳnh Mỹ	Ngọc	26/02/1997			3,3	ba phẩy ba	C17KT	
29	1410100086	Lưu Kim Bảo	Ngọc	14/05/1996			6,8	sáu phẩy tám	C16QT	
30	1510100038	Mai Nguyễn Hồng	Ngọc	07/8/1997			5,3	năm phẩy ba	C17QT	
31	1310100016	Đặng Lê	Nguyên	07/06/1995			6,5	sáu rưỡi	C16QT	
32	1510100040	Nguyễn Hoàng	Nhân	26/9/1996			3,5	ba rưỡi	C17QT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1510110034	Dương Ngọc	**Nhi**	13/11/1997			9,0	chín	C17KT	
34	1510110023	Võ Tuyết	**Nhi**	10/05/1996			6,3	sáu phẩy ba	C17KT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 34 / 34 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007
Mã lớp học phần: 110400701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 19/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.10**

Giám thị 1: H. Nhung Ký tên:
Giám thị 2: Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100081	Mai Thanh	**Nhớ**	11/02/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17QT	
2	1510100001	Nguyễn Cẩm	**Nhung**	22/04/1997			1,0	một	C17QT	
3	1510120014	Nguyễn Ngọc	**Nhung**	22/7/1997			4,0	bốn	C17TC	
4	1510110043	Bành Thị Quỳnh	**Như**	15/04/1997			5,8	năm phẩy tám	C17KT	
5	1310100123	Hà Trần Khánh	**Như**	19/10/1995			7,0	bảy	C15QT1	
6	1510120011	Nguyễn Ngọc Huỳnh	**Như**	24/4/1997			6,5	sáu rưỡi	C17TC	
7	1410100023	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	18/03/1995			5,8	năm phẩy tám	C16QT	
8	1510100071	Võ Cẩm	**Như**	22/03/1997			3,3	ba phẩy ba	C17QT	
9	1510110037	Nguyễn Thị Kiều	**Oanh**	01/11/1997			4,0	bốn	C17KT	
10	1410100057	Nguyễn Nhật	**Pha**	27/02/1996			4,5	bốn rưỡi	C16QT	
11	1510100059	Trương Hoàng Minh	**Phương**	04/12/1997			5,5	năm rưỡi	C17QT	
12	1510110045	Võ Phương	**Phương**	18/03/1996			4,0	bốn	C17KT	
13	1510100021	Phạm Thị Bích	**Quyên**	26/3/1997			3,8	ba phẩy tám	C17QT	
14	1510110024	Lê Khả Nhật	**Quỳnh**	03/01/1997			5,5	năm rưỡi	C17KT	
15	1510100097	Trần Ái	**Quỳnh**	26/4/1997			6,0	sáu	C17QT	
16	1510100113	Huỳnh Thị	**Quý**	15/10/1997			4,3	bốn phẩy ba	C17QT	
17	1510100100	Huỳnh Tấn	**Sang**	12/11/1994			2,3	hai phẩy ba	C17QT	
18	1410100015	Trần Hoàng	**Thao**	20/04/1996			6,0	sáu	C16QT	
19	1510100023	Bùi Nhật	**Thành**	23/01/1997			3,0	ba	C17QT	
20	1310100073	Đinh Quốc	**Thành**	26/03/1995			4,0	bốn	C15QT1	
21	1510100095	Bùi Thị Phương	**Thảo**	16/05/1997			5,5	năm rưỡi	C17QT	
22	1310100001	Đỗ Thị Thu	**Thảo**	27/12/1995			3,8	ba phẩy tám	C15QT2	
23	1510120020	Hoàng Thị	**Thảo**	21/01/1997			4,8	bốn phẩy tám	C17TC	
24	1510110022	Lâm Thị	**Thảo**	15/10/1997			0,5	không phẩy năm	C17KT	
25	1510110013	Nguyễn Phương	**Thảo**	03/09/1987			9,0	chín	C17KT	
26	1510110021	Nguyễn Thị Minh	**Thảo**	29/01/1997			5,5	năm rưỡi	C17KT	
27	1510110042	Nguyễn Thị Xuân	**Thảo**	05/11/1997			00	không	C17KT	
28	1510100017	Phạm Thị Thanh	**Thảo**	27/4/1997			2,8	hai phẩy tám	C17QT	
29	1310100231	Nguyễn Thị Minh	**Thi**	24/09/1995					C15QT2	√
30	1510120015	Hồ Thị Kim	**Thoa**	30/8/1997			5,5	năm rưỡi	C17TC	
31	1510120008	Nguyễn Thị Kim	**Thơm**	03/08/1997			00	không	C17TC	
32	1510110040	Nguyễn Bích	**Thuận**	24/12/1996			5,3	năm phẩy ba	C17KT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1510100055	Nguyễn Đức	**Thuận**	05/11/1995			1,0	một	C17QT	
34	1510110044	Nguyễn Thị	**Thuận**	12/03/1997			4,5	bốn rưỡi	C17KT	
35	1510100003	Nguyễn Thị Bích	**Thuận**	06/08/1997			1,8	một phẩy tám	C17QT	
36	1510100052	Dương Thị Phương	**Thùy**	05/5/1997			00	không	C17QT	
37	1510100103	Nguyễn Thị Thu	**Thùy**	17/3/1997			1,5	một rưỡi	C17QT	
38	1510110020	Ngô Đình Lệ	**Thủy**	07/12/1997			8,0	tám	C17KT	
39	1510100025	Võ Thị	**Thủy**	20/02/1997			3,0	ba	C17QT	
40	1510110015	Bùi Nguyễn Minh	**Thư**	14/06/1997			6,8	sáu phẩy tám	C17KT	
41	1510100061	Nguyễn Thị Kim	**Thư**	05/08/1997			1,3	một phẩy ba	C17QT	
42	1510100034	Đinh Thị Hoài	**Thương**	10/10/1997			7,3	bảy phẩy ba	C17QT	
43	1510100070	Nguyễn Ngọc	**Thương**	20/10/1996			6,5	sáu rưỡi	C17QT	
44	1510100054	Quảng Thành	**Tiến**	15/3/1995			2,5	hai phẩy năm	C17QT	
45	1510100027	Nguyễn Trung	**Tính**	07/11/1996			5,8	năm phẩy tám	C17QT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 44 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 44 / 44 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007
Mã lớp học phần: 110400701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 19/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.9**

Giám thị 1: Bùi Liên Hường Ký tên:
Giám thị 2: Lê Tammy Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100079	Lê Văn	Toản	05/4/1996			5,0	năm	C17QT	
2	1510100094	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/5/1997			3,8	ba phẩy tám	C17QT	
3	1510120004	Phan Thùy	Trang	21/8/1996		1	6,0	sáu	C17TC	
4	1510100036	Văn Vĩnh Thùy	Trang	17/09/1996			3,8	ba phẩy tám	C17QT	
5	1510100022	Nguyễn Dân Quốc	Trạng	21/8/1997			4,0	bốn	C17QT	
6	1510110030	Lê Hồng Bảo	Trâm	10/10/1997			3,5	ba năm.	C17KT	
7	1510120010	Nguyễn Thị Minh	Trâm	10/9/1997			3,5	ba năm.	C17TC	
8	1510100029	Võ Thị Huyền	Trân	11/01/1997			2,5	hai năm.	C17QT	
9	1510110017	Đinh Thị Mỹ	Trinh	02/11/1997			4,0	bốn	C17KT	
10	1310100118	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	25/05/1995			3,5	ba năm.	C15QT1	
11	1510100073	Phạm Nguyễn Phương	Trinh	30/8/1997			0,5	không phẩy năm	C17QT	
12	1510110018	Lê Thị Thanh	Trúc	01/03/1997			3,5	ba năm.	C17KT	
13	1510120002	Phan Dư Quang	Trường	01/5/1997			3,5	ba năm.	C17TC	
14	1510110007	Huỳnh Thị Mỹ	Tuyên	12/3/1997			3,5	ba năm.	C17KT	
15	1310100149	Nguyễn Mộng	Tuyền	06/08/1995					C15QT2	
16	1510100030	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	01/11/1996			2,3	hai phẩy ba	C17QT	
17	1510110016	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	04/06/1997			3,5	ba năm.	C17KT	
18	1510100086	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	21/05/1997		1	5,0	năm	C17QT	
19	1510100015	Trần Thị Tường	Uyên	18/02/1997		1	3,0	ba	C17QT	
20	1510120001	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23/11/1997		1	1,0	một	C17TC	
21	1510100084	Mai Văn	Việt	08/03/1997					C17QT	
22	1510100051	Cao Hoàng	Vinh	28/02/1996		1	1,0	một	C17QT	
23	1510100068	Nguyễn Thanh	Vũ	17/11/1996			7,0	bảy	C17QT	
24	1510110035	Nguyễn Tường	Vy	07/3/1996			6,8	sáu phẩy tám	C17KT	
25	1510100091	Nguyễn Yến	Vy	13/9/1997			3,3	ba phẩy ba	C17QT	
26	1510110026	Phạm Tường	Vy	16/07/1997			5,0	năm	C17KT	
27	1410100090	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	20/01/1995		1	9,0	chín	C16QT	
28	1510110012	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	17/02/1997		1	1,0	một	C17KT	
29	1510100096	Vương Ngọc	Yến	28/3/1997		1	6,3	sáu phẩy ba	C17QT	
30	1510110033	Ngũ Huệ	Ý	14/4/1997		1	9,0	chín	C17KT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.